

Số: 66.9...../QĐCN-VICB-SP

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Cấp giấy chứng nhận sản phẩm

TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN VÀ GIÁM ĐỊNH VINACERT

- Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102152121 của Sở Kế hoạch đầu tư Hà Nội cấp ngày 23 tháng 05 năm 2013;
- Căn cứ Thông tư số 55/2012/TT-BNNPTNT ngày 31/10/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn thủ tục chỉ định tổ chức chứng nhận hợp quy và công bố hợp quy thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Căn cứ Quyết định số 2508/QĐ-BVTV-QLT ban hành ngày 23/12/2013 của Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật về việc chỉ định tổ chức chứng nhận hợp quy lĩnh vực thuốc và nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật;
- Căn cứ Quy định về chứng nhận sản phẩm của VinaCert;
- Căn cứ kiến nghị cấp giấy chứng nhận đối với khách hàng mang mã hồ sơ VICB 1570.10A

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Chứng nhận sản phẩm : **Thuốc Bảo vệ thực vật** (Phụ lục chứng nhận kèm theo)

Của: **Công ty Cổ phần Bảo vệ thực vật Sài Gòn**

Địa chỉ trụ sở: Khu phố 1, Nguyễn Văn Quỳ, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Địa điểm gia công, đóng gói: Lô C1 và C3 Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Hiệp Phước, Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Được đánh giá phù hợp với các yêu cầu của Tiêu chuẩn Việt Nam, Tiêu chuẩn cơ sở của Cục Bảo vệ thực vật (Phụ lục chứng nhận kèm theo)

Phương thức đánh giá: Phương thức 5 - Thông tư số 55/2012/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 10 năm 2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Điều 2: Tổ chức có sản phẩm được chứng nhận ở Điều 1 được phép sử dụng dấu chứng nhận hợp quy và phải tuân thủ đầy đủ các yêu cầu về chứng nhận sản phẩm phù hợp quy chuẩn theo quy định hiện hành của VinaCert trong thời gian chứng chỉ có hiệu lực.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực từ ngày 24 tháng 03 năm 2015 đến ngày 23 tháng 11 năm 2017. Các sản phẩm của Công ty Cổ phần Bảo vệ thực vật Sài Gòn được nêu trong Điều 1 chịu sự đánh giá giám sát định kỳ 12 tháng/lần.

Nơi nhận:

- Như Điều 1
- Lưu CD



TS. Phạm Văn Thành

PHỤ LỤC CHỨNG NHẬN CERTIFICATION SCHEDULE

(Ban hành kèm theo Quyết định số 664 /QĐCN-VICB-SP ngày 24 tháng 03 năm 2015 của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng nhận và Giám định VinaCert)
(Issued together with Decision No. 664 /QĐCN-VICB-SP dated 24 March, 2015
By the General Director of VinaCert., JSC)

14 sản phẩm thuốc Bảo vệ thực vật
của Công ty Cổ phần Bảo vệ thực vật Sài Gòn
Địa chỉ : Khu phố 1, Nguyễn Văn Quỳ, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Địa điểm gia công, đóng gói tại : Lô C1 và C3 Khu Công nghiệp Hiệp Phước, Xã Hiệp Phước,
Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
được chứng nhận phù hợp với các Tiêu chuẩn Việt Nam, Tiêu chuẩn cơ sở của Cục
bảo vệ thực vật như sau :

The 14 Pesticides of SAIGON PLANT PROTECTION JOINT STOCK COMPANY
Address: Quarter 1, Nguyen Van Quy Street, Tan Thuan Dong Ward, District 7, Ho Chi Minh
City, Vietnam
Processing, packing at: Lot C1&C3 Hiep Phuoc Industrial Zone, Hiep Phuoc Ward, Nha Be
District, Ho Chi Minh City, Vietnam
was certified for compliance with national technical regulation as follows:

STT	Tên sản phẩm Product name	Tiêu chuẩn cơ sở Enterprise Standard	Tiêu chuẩn chứng nhận Technical Standards	Số chứng chỉ Certificate No.
1.	Thuốc trừ sâu BUTYL 10 WP/ Insecticide BUTYL 10 WP	TCCS 02:2014/BVTV-SG	TCVN 9477 : 2012	VICB 1570.10-38
2.	Thuốc trừ sâu GÀ NỒI 95 SP/ Insecticide GÀ NỒI 95 SP	TCCS 04:2014/BVTV-SG	TCVN 8380 : 2010	VICB 1570.10-39
3.	Thuốc trừ sâu COMDA 250 EC/ Insecticide COMDA 250 EC	TCCS 18:2014/BVTV-SG	TCCS 135: 2014/BVTV	VICB 1570.10-46
4.	Thuốc trừ sâu SAGOFIFRO 850 WG/ Insecticide SAGOFIFRO 850 WG	TCCS 23:2014/BVTV-SG	TCCS 135: 2014/BVTV	VICB 1570.10-49
5.	Thuốc trừ bệnh CARBENZIM 50 WPI Fungicide CARBENZIM 50 WP	TCCS 25:2014/BVTV-SG	TC 10/CL: 2007	VICB 1570.10-51
6.	Thuốc trừ bệnh KISAIGON 10 GR/ Fungicide KISAIGON 10 GR	TCCS 31:2014/BVTV-SG	TCCS 231: 2014/BVTV	VICB 1570.10-55

15815212
CÔNG TY
CỔ PHẦN
CHỨNG NHẬN
GIÁM ĐỊNH
VINACERT
S. MAI-TP.



www.vinacert.vn

VINACERT

QUYẾT ĐỊNH GIẤY CHỨNG NHẬN



3684.01; 3684.02
3684.03; 3684.04
ISO/IEC 17025:2005

7.	Thuốc trừ bệnh SAIPAN 2 SL/ <i>Fungicide SAIPAN 2 SL</i>	TCCS 33:2014/BVTV-SG	TCCS 21: 2011/BVTV	VICB 1570.10-56
8.	Thuốc trừ bệnh THIO-M 500 <i>SC/ Fungicide THIO-M 500 SC</i>	TCCS 40:2014/BVTV-SG	TCVN 8751:2011	VICB 1570.10-61
9.	Thuốc trừ bệnh TRIZOLE 75 <i>WG/ Fungicide TRIZOLE 75 WG</i>	TCCS 43:2014/BVTV-SG	TCCS 135: 2014/BVTV	VICB 1570.10-62
10.	Thuốc trừ cỏ SAICOPA 800 <i>EC/ Herbicide SAICOPA 800 EC</i>	TCCS 48:2014/BVTV-SG	TC 08/2003 - CL	VICB 1570.10-63
11.	Thuốc trừ cỏ MIZIN 500 SC/ <i>Herbicide MIZIN 500 SC</i>	TCCS 52:2014/BVTV-SG	TCVN 10161 : 2013	VICB 1570.10-65
12.	Thuốc trừ cỏ BÉ BỤ 30 WP/ <i>Herbicide BÉ BỤ 30 WP</i>	TCCS 57:2014/BVTV-SG	TCCS 135: 2014/BVTV	VICB 1570.10-69
13.	Thuốc trừ cỏ STAR 10 WP/ <i>Herbicide STAR 10 WP</i>	TCCS 77:2014/BVTV-SG	TCCS 32: 2011/BVTV	VICB 1570.10-80
14.	Thuốc trừ ốc DIOTO 250 EC/ <i>Molluscicide DIOTO 250 EC</i>	TCCS 82:2014/BVTV-SG	TC 05/CL: 2005	VICB 1570.10-82

